

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN KHOA DA LIỄU**

Tháng 5/2019



Số: 729/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo “Định hướng chuyên khoa Da liễu”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP, ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-ĐHTN, ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư 22/TT-BYT ngày 09/08/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định 727/QĐ-ĐHYD, ngày 13/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định hoạt động đào tạo liên tục của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo “Định hướng chuyên khoa Da liễu” ngày 26/4/2019 của Hội đồng nghiệm thu;

Căn cứ Biên bản rà soát sau nghiệm thu chương trình đào tạo “Định hướng chuyên khoa Da liễu” của thư ký Hội đồng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo “Định hướng chuyên khoa Da liễu”;

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa/Bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Phòng CNTT&TV (đăng Website);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Văn Sơn

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN KHOA DA LIỄU**

1. Thông tin chung về chương trình

1.1. Tên khóa học: **Định hướng chuyên ngành Da liễu**

1.2. Tổng số tín chỉ (LT/TH): 6/16

1.3. Thời gian đào tạo (tháng): 6 tháng

1.4. Mô tả khóa học:

- Lý thuyết: Trong khóa học này các học viên được học 6 TC lý thuyết (80 tiết) bằng các hình thức: giáo viên thuyết trình, thảo luận có sự hướng dẫn của giảng viên và một số buổi tự học với trọng tâm: các tổn thương da, các phương pháp chẩn đoán và điều trị một số bệnh da thông thường.

- Lâm sàng: Học viên được thực hành lâm sàng tại, BV Trường ĐH Y khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và một số cơ sở y tế chuyên khoa tại địa phương. Hàng ngày, học viên tham dự các buổi giao ban, đi buồng, bình bệnh án, thăm khám bệnh nhân hàng ngày, làm bệnh án, điều trị, tham gia hội chẩn và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của Giáo viên và Giảng viên kiêm nhiệm.

- Lương giá: Mỗi học phần, có 1 bài KTTX, 1 bài TGHP. Thi KTHP gồm:

+ Lý thuyết: Viết chuyên đề hoặc thi tự luận

+ Thực hành: làm bệnh án, chăm bệnh án và chăm kỹ năng.

2. Chuẩn đầu ra của khóa học

2.1. Chuẩn đầu ra

a) Kiến thức

- Phát hiện và mô tả được các tổn thương cơ bản, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phương pháp điều trị một số bệnh da liễu thông thường.

- Vận dụng các kiến thức đã học về khoa học cơ bản, Y học cơ sở, sinh bệnh học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh ngoài da thường trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Kỹ năng

- Khám, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh da liễu thường gặp.

- Thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật trong khám, chẩn đoán và điều trị bệnh.

Nhận định chính xác kết quả một số xét nghiệm thông thường trong chẩn đoán bệnh Da liễu.

c) Thái độ

Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của một Bác sỹ chuyên khoa Da liễu trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và lắng nghe ý kiến của cộng đồng trong hoạt động nghề nghiệp

2.2. Vị trí việc làm của người học sau khi hoàn thành khóa học: Có khả năng làm việc tại các cơ sở Y tế có chuyên khoa Da liễu

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp khóa học: BSCKI, BSCKII, ThS, TS...chuyên ngành Da liễu

3. Mục tiêu khóa học

3.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Bác sỹ chuyên sâu là loại hình đào tạo liên tục đặc thù của ngành Y tế

nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia y tế, có khả năng thực hành giỏi trong một chuyên ngành hẹp.

Đào tạo định hướng chuyên ngành Da liễu nhằm tạo nguồn nhân trình độ chuyên khoa trước hết giúp cho học viên có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về bệnh tật và sức khỏe có liên quan đến một số bệnh ngoài da; đặc biệt tại khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc. Sau khóa học này học viên tiếp tục đào tạo để thành Bác sỹ có trình độ chuyên sâu bậc cao về chuyên khoa như : BSCKI, BSCKII, ThS, TS...

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

- Mô tả được các tổn thương cơ bản, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phương pháp điều trị một số bệnh da liễu thông thường.

- Vận dụng các kiến thức đã học về khoa học cơ bản, Y học cơ sở, sinh bệnh học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh ngoài da thường trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng.

b) Kỹ năng

- Chẩn đoán, điều trị được bệnh da liễu thường gặp và phát hiện, xử trí ban đầu các biến chứng trong một số bệnh da liễu

-Thực hiện và phân tích được một số kỹ thuật: test da (Patch test), một số nghiệm pháp da: Nicolsky, cạo Brocq, xét nghiệm tìm nấm, tìm vi khuẩn, thử cảm giác da...

- Có khả năng truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh ngoài da cho bệnh nhân và cộng đồng.

c) Thái độ

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phòng, chống bệnh da liễu trong hệ thống bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Đối tượng tuyển sinh và hình thức đào tạo

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp Đại học Y khoa

4.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.3. Hình thức đào tạo: Tập trung

5. Phân bố thời gian đào tạo

Tổng số tiết học 320 trong đó:

Số tiết lý thuyết: 80

Số tiết học E-learning: 0

Số tiết thực hành labo: 30

Số tiết thực hành lâm sàng: 180

Số tiết thực hành cộng đồng: 30

Phân phối thời gian chương trình (tiết học: 50 phút)

HỌC PHẦN 1 (1/1)
Kiến thức cơ bản về Da liễu

Số TT	Tên bài	Mục tiêu (hoặc nội dung)	Số tiết		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Bài 1: Cấu trúc vi thể và các thành phần phụ của da	1.Đại cương 2. Cấu trúc vi thể của da - Thượng bì - Trung bì - Hạ bì 3. Các phần phụ của da - Lông, tóc, móng - Mạch máu - Thần kinh	02	01	01
2	Bài 2: Tổn thương căn bản trong bệnh ngoài da	1. Đại cương 2. Các dạng tổn thương căn bản - TT bằng phẳng với mặt da - TT cao hơn mặt da - TT thấp hơn mặt da - Các hình thái tổn thương khác	08	4	4
3	Bài 3: Thuốc bôi điều trị bệnh ngoài da	1.Đại cương 2.Thành phần của thuốc bôi 3. Các dạng thuốc bôi - Cấu tạo - Tác dụng - Chỉ định chống chỉ định	08	4	4
4	Bài 4: Các phương pháp VLTL và PHCN trong bệnh da	1.Đại cương 2. Các phương pháp VLTL - Chỉ định - Kỹ thuật 3. Các phương pháp PHCN - Chỉ định - Kỹ thuật	04	2	2
5	Bài 5: Laser ứng dụng trong da liễu	1.Đại cương 2. Laser CO ₂ - Chỉ định, chống chỉ định - Kỹ thuật 2. Laser nội mạch - Chỉ định, chống chỉ định - Kỹ thuật 2. Laser ngoại mạch - Chỉ định, chống chỉ định - Kỹ thuật	08	4	4
	Lượng giá, đánh giá	Điểm KTHP = [(KTTX + TGHP x 2)/3 + KTHP]/2			
Tổng số tiết học			30	15	15

HỌC PHẦN 2 (1/3)
Các bệnh da do vi ký sinh trùng và nấm

Số TT	Tên bài	Mục tiêu (hoặc nội dung)	Số tiết		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Bài 1: Bệnh chốc,	1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	08	02	06
2	Bài 2: Viêm da mũ (Nhọt, viêm nang, chân long)	1. Đại cương - Nhọt - Viêm nang lông - Viêm chân tóc, chân râu 2. Phòng bệnh	08	02	06
3	Bài 3: Bệnh Zona	1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng: 4. Chẩn đoán. 5. Biến chứng: 6. Điều trị: 7. Phòng bệnh	08	02	06
4	Bài 4: Bệnh thủy đậu	1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng. - Thể điển hình. - Một số thể lâm sàng đặc biệt. 4. Biến chứng. 5. Xét nghiệm. 6. Chẩn đoán 7. Điều trị. 8. Phòng bệnh	04	01	03
5	Bài 5: Bệnh Herpes	1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng. 4. Biến chứng. 5. Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh	04	01	03
6	Bài 6: Bệnh nấm da thường (hắc lào)	1. Đại cương 2. Tác nhân gây bệnh 3. Lâm sàng: - Do các chủng Trichophyton - Do chủng Epidermophyton. - Do chủng Microsporum.	08	02	06

		4. Xét nghiệm. 5 Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh			
7	Bài 7: Bệnh nấm lang ben.	1. Đại cương 2. Tác nhân gây bệnh 3. Lâm sàng: 4. Xét nghiệm. 5 Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh	04	01	03
8	Bài 6: Bệnh nấm candida ở da	1. Đại cương 2. Tác nhân gây bệnh 3. Yếu tố thuận lợi 4. Phân loại 5. Lâm sàng: (<i>Candida</i> nông) 6. Xét nghiệm. 7 Chẩn đoán 8. Điều trị. 9. Phòng bệnh	04	01	03
9	Bài 6: Bệnh nấm tóc	1. Đại cương 2. Tác nhân gây bệnh 3. Phân loại 4. Lâm sàng. 5. Xét nghiệm. 6 Chẩn đoán 7. Điều trị. 8. Phòng bệnh	04	01	03
10	Bài 6: Bệnh nấm móng	1. Đại cương 2. Tác nhân gây bệnh 3. Phân loại 4. Lâm sàng. 5. Xét nghiệm. 6 Chẩn đoán 7. Điều trị. 8. Phòng bệnh	08	02	06
	Lượng giá, đánh giá	Điểm KTHP = $[(KTTX + TGHP \times 2)/3 + KTHP]/2$			
	Tổng số tiết học		60	15	45

HỌC PHẦN 3 (1/3)

Bệnh da do cơ chế Miễn dịch-Dị ứng và RL chất tạo keo

Số TT	Tên bài	Mục tiêu (hoặc nội dung)	Số tiết		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Bài 1: Viêm da cơ đĩa	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> - Ở trẻ ấu thơ. - Ở trẻ em - Ở thanh thiếu niên & người lớn. 4. Tiến triển và biến chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh 	08	02	06
2	Bài 2: Viêm da tiếp xúc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> - Viêm da tiếp xúc dị ứng - Viêm da tiếp xúc do kích ứng 4. Xét nghiệm. 5 Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh 	08	02	06
3	Bài 3: Dị ứng thuốc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Phân loại và cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm chung. - Một số thể lâm sàng thường gặp 4. Xét nghiệm. 5 Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh 	08	02	06
4	Bài 4: Bệnh mày đay	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Căn nguyên 3. Cơ chế bệnh sinh <ul style="list-style-type: none"> - Do miễn dịch - Không do miễn dịch 4. Lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> - Thể điển hình - Một số thể không điển hình 5 Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh 	08	02	06
5	Bài 5: Bệnh Lupus đỏ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Lupus đỏ mạn tính <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế bệnh sinh 	08	02	06

		<ul style="list-style-type: none"> - Lâm sàng - Chẩn đoán - Điều trị. <p>3. Lupus đỏ cấp tính/ hệ thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế bệnh sinh - Lâm sàng - Cận lâm sàng - Chẩn đoán - Điều trị. <p>4. Phòng bệnh</p>			
	Bài 6: Xơ cứng bì, viêm bì cơ	<p>1. Xơ cứng bì</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế bệnh sinh - Lâm sàng - Chẩn đoán - Điều trị. - Phòng bệnh <p>2. Viêm bì cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế bệnh sinh - Lâm sàng - Chẩn đoán - Điều trị. - Phòng bệnh 	08	02	06
	Bài 7: Bệnh Vẩy nến	<p>1. Đại cương.</p> <p>2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh.</p> <p>3. Lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thường - Một số thể khác <p>4. Tiên triễn</p> <p>5. Mô bệnh học</p> <p>6 Chẩn đoán</p> <p>7. Điều trị.</p> <p>8. Quản lý và dự phòng.</p>	08	02	06
	Bài 8: Bệnh Sẩn ngứa	<p>1. Đại cương.</p> <p>2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh.</p> <p>3. Các thể lâm sàng</p> <p>4 Chẩn đoán</p> <p>5. Điều trị.</p> <p>6. Quản lý và dự phòng.</p>	04	01	03
	Lượng giá, đánh giá	Điểm KTHP = $[(KTTX + TGHP \times 2)/3 + KTHP]/2$			
Tổng số tiết học			60	15	45

HỌC PHẦN 4 (1/3)
Bệnh da do rối loạn khác

Số TT	Tên bài	Mục tiêu (hoặc nội dung)	Số tiết		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Bài 1: Viêm da mô	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> - Ở trẻ người lớn. - Ở trẻ em 4. Chẩn đoán 5. Điều trị. 6. Phòng bệnh 	08	02	06
2	Bài 2: Bệnh trứng cá	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Cơ chế bệnh sinh <ul style="list-style-type: none"> - Cơ địa da dầu. - Mức độ tăng tiết bã. - Các yếu tố gây nên bệnh trứng cá 3. Lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> - Trứng cá tuổi trẻ - Một số thể lâm sàng khác 4. Chẩn đoán 5. Điều trị. 6. Phòng bệnh 	08	02	06
3	Bài 3: Bệnh niêm mạc miệng, lưỡi, môi	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh 	08	02	06
4	Bài 4: Bệnh viêm da quanh miệng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị. 6. Phòng bệnh 	04	01	03
5	Bài 5: Bệnh ung thư da	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> - Ung thư tế bào gai - Ung thư tế bào đáy 3. Xét nghiệm 4. Tiến triển 5. Chẩn đoán 	08	02	06

		6. Điều trị. 7. Phòng bệnh			
6	Bài 6 Bệnh da vảy cá bẩm sinh thông thường	1. Đại cương 2. Nguyên nhân và Sinh bệnh học 3. Lâm sàng 4. Các hình thái lâm sàng 5. Tiến triển 6. Mô bệnh học 7. Chẩn đoán 8. Điều trị	08	02	06
7	Bài 7 Bệnh Aphotose	1. Đại cương 2. Căn nguyên và sinh bệnh học 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Điều trị	04	01	03
8	Bài 8 Bệnh Bạch biến	1. Đại cương 2. Căn nguyên và sinh bệnh học 3. Triệu chứng lâm sàng - Thể điển hình - Các thể khác 4. Cận lâm sàng 5. Điều trị			
	Lượng giá, đánh giá	Điểm KTHP = $[(KTTX + TGHP \times 2)/3 + KTHP]/2$			
		Tổng số tiết học	60	15	45

HỌC PHẦN 5
Các bệnh LTQĐTD và Bệnh phong

Số TT	Tên bài	Mục tiêu (hoặc nội dung)	Số tiết		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Bài 1: Bệnh lậu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh lậu ở nam giới - Bệnh lậu ở nữ giới - Lậu mắt ở trẻ sơ sinh 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị. 7. Phòng bệnh 	08	02	06
2	Bài 2: Các bệnh viêm niệu đạo không do lậu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Các nguyên nhân thường gặp <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Do Chlamydia Trachomatis 2.2. Do Trichomonas Vaginalis 2.3. Do Candida albicans 3. Phòng bệnh 	12	03	09
3	Bài 3 Bệnh giang mai mắc phải	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Đặc điểm dịch tễ. 3. Tiến triển chung 4. Triệu chứng lâm sàng. <ul style="list-style-type: none"> - Giang mai thời kỳ 1: - Giang mai thời kỳ 2: - Giang mai thời kỳ 3: 5. Cận lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp trực tiếp - Phương pháp gián tiếp 6. Chẩn đoán. 7. Điều trị bệnh giang mai 	08	02	06
	Bài 4 Bệnh giang mai bẩm sinh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Đường lây truyền 3. Lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> - Giang mai bẩm sinh sớm - Giang mai bẩm sinh muộn 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Dự phòng 	08	02	06
	Bài 5 Biểu hiện da, niêm mạc của HIV/AIDS	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương. 2. Nguyên nhân và cách lây truyền 3. Tiến triển của nhiễm HIV/AIDS 4. Một số biểu hiện lâm sàng ngoài da, niêm mạc của HIV/AIDS. <ul style="list-style-type: none"> - Các khối u ác tính 	08	02	06

		<ul style="list-style-type: none"> - Các bệnh do virus - Nhiễm nấm cơ hội - Tổn thương ngoài da không rõ nguồn gốc 5. Các xét nghiệm sàng lọc 6. Phòng chống HIV/AIDS 7. Quản lý sức khỏe và chăm sóc			
	Bài 6 Bệnh sùi mào gà	1. Đại cương. 2. Nguyên nhân và cách lây truyền 3. Lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Dự phòng	04	01	03
	Bài 7 Bệnh phong	1. Đại cương. 2. Nguyên nhân và cách lây truyền 3. Lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> - Ủ bệnh - Triệu chứng sớm - Loạn chứng ở thời kỳ toàn phát 4. Các thể lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh 8. Phòng chống tàn phế 9. Quản lý người bệnh	12	03	09
	Lượng giá, đánh giá	Điểm KTHP = $[(KTTX + TGHP \times 2)/3 + KTHP]/2$			
		Tổng số tiết học	60	15	45

HỌC PHẦN 6
Một số kỹ thuật xét nghiệm thông thường

Số TT	Tên bài	Mục tiêu (hoặc nội dung)	Số tiết		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Bài 1 Xét nghiệm tìm nấm da thường	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Lấy bệnh phẩm 4. Làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả	04	01	03
2	Bài 2 Xét nghiệm tìm nấm tóc, móng.	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Lấy bệnh phẩm 4. Làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả	04	01	03
3	Bài 3 Kỹ thuật các test da (skin test)	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Một số test và nhận định kết quả - Patch test - Prick test. - Drip test	08	02	06
4	Bài 4 Nghiệm pháp tạo Brocq	1. Đại cương 2. Dụng cụ 3. Kỹ thuật tiến hành 4. Nhận định kết quả	04	01	03
5	Bài 5 Nghiệm pháp Nicolsky	1. Đại cương 2. Dụng cụ 3. Kỹ thuật tiến hành 4. Nhận định kết quả	04	01	03
6	Bài 6 Kỹ thuật Chẩn đoán tế bào học của Tzancke	1. Đại cương 2. Dụng cụ 3. Kỹ thuật tiến hành 4. Nhận định kết quả	04	01	03
7	Bài 7 Xét nghiệm tìm lậu cầu	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm 4. Kỹ thuật làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả	04	01	03
8	Bài 8 Xét nghiệm tìm nấm candida sinh dục	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm 4. Kỹ thuật làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả	04	01	03
9	Bài 9 Xét nghiệm	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất	04	01	03

	tìm trùng roi sinh dục	3. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm 4. Kỹ thuật làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả			
10	Bài 10 Kỹ thuật test Chlamydia sinh dục	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Kỹ thuật tiến hành test 4. Nhận định kết quả	04	01	03
11	Bài 11 Xét nghiệm trực tiếp tìm xoắn khuẩn giang mai	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Lấy bệnh phẩm 4. Làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả	04	01	03
12	Bài 12 Xét nghiệm gián tiếp trong chẩn đoán giang mai	1. Đại cương 2. Các xét nghiệm - Các phản ứng huyết thanh cổ điển - Các phản ứng huyết thanh hiện đại 3. Nhận định kết quả	08	02	06
13	Bài 11 Kỹ thuật trích thủ bệnh phẩm trong phong	1. Đại cương 2. Dụng cụ và hóa chất 3. Vị trí và kỹ thuật trích thủ 4. Làm tiêu bản 5. Nhận định kết quả	04	01	03
	Lượng giá, đánh giá	Điểm KTHP = [(KTTX + TGHP x 2)/3 + KTHP]/2			
		Tổng số tiết học	60	15	45

6. Tài liệu sử dụng đào tạo

TT	Tên tài liệu	Nhà XB	Tài liệu tự biên soạn	Tài liệu phát tay	Tài liệu tham khảo	Năm xuất bản/biên soạn
1	Giáo trình Da liễu		x			2011
2	Bài giảng Da liễu			x		2019
3	Bệnh học Da liễu T ₁	Y học			x	2017
4	Bệnh học Da liễu T ₂	Y học			x	2017
5	Bệnh học Da liễu T ₃	Y học			x	2017
6	Giáo trình bệnh da và hoa liễu	QĐND			x	2017
7	Bệnh da Miễn dịch-Dị ứng	Dân trí			x	2011
8	Các bệnh da không lây nhiễm	Y học			x	2012
9	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu	Y học			x	2016
10	Phòng chống bệnh nấm da	Y học			x	2011
11	Dị ứng thuốc	Y học			x	2011
12	Bệnh phong qua hình ảnh	Y học			x	1997
13	Dermatology in general medicine,	Publishing Division, Mc Graw Hill.				2000
14	Clinical Dermatology, Medical					2005
15	Skin disease diagnosis and treatment					2005

7. Phương pháp dạy – học

7.1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận, tự đọc

7.2. Thực hành: Trên bệnh nhân, tình huống, bảng kiểm

8. Tiêu chuẩn giảng viên và trợ giảng

8.1. Yêu cầu về số lượng giảng viên và trợ giảng.

Số lượng giảng viên của Bộ môn hiện nay: 04 trong đó 2 PGS, 2 ThS, với đội ngũ Giảng viên và trợ giảng đáp ứng được nhu cầu đào tạo

8.2. Tiêu chuẩn của giảng viên, trợ giảng.

- Yêu cầu về trình độ chuyên môn, thâm niên nghề nghiệp. Giảng viên Bộ môn Da liễu Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên và các Bác sỹ của BVTU Thái Nguyên có trình độ sau đại học trở lên, có thâm niên ít nhất 3 năm, Cử nhân, KTV trình độ Cao đẳng trở lên có thâm niên chuyên môn ít nhất từ 5 năm

- Yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm: Các giảng viên cơ hữu đã được đào tạo về nghiệp vụ Phương pháp giảng dạy đại học y học.

- Các yêu cầu khác (nếu có): Các giảng viên mời hoặc kiêm nhiệm phải được thông qua Hội đồng bình, thí giảng.

9. Trang thiết bị, học liệu sử dụng cho khóa học

- Giảng đường, phấn bảng, bút dạ, bút màu

- Projector, tranh ảnh, atlas

- Labo xét nghiệm sinh hóa, vi khuẩn, miễn dịch...

- Bệnh nhân tại phòng khám, tại phòng bệnh, thực hành cộng đồng

10. Lượng giá và Đánh giá

* Lượng giá quá trình đào tạo

+ Sau mỗi học phần, học viên sẽ được lượng giá thông qua bài 01 KTTX , 01 bài thi GHP/thực hành (hệ số 2) và thi KTHP.

*** Đánh giá quá trình đào tạo**

Điểm học phần là điểm cuối cùng để đánh giá một học phần, tính theo thang điểm 10 và được làm tròn 01 chữ số thập phân. Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận theo hệ điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F. Học phần chỉ được tích lũy khi có kết quả từ điểm D trở lên. Phòng Đào tạo sẽ quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL.

Cách tính điểm KTHP: Điểm KTHP = [(KTTX + TGHP x 2)/3 + KTHP]/2

Cách quy đổi được thực hiện theo bảng sau:

Thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số	Xếp loại
Từ 9,0 đến 10	A	4.0	Xuất sắc
Từ 8,0 đến 8,9	B ⁺	3.5	Giỏi
Từ 7,0 đến 7,9	B	3.0	Khá
Từ 6,5 đến 6,9	C ⁺	2.5	Trung bình
Từ 5,5 đến 6,4	C	2.0	
Từ 5,0 đến 5,4	D ⁺	1.5	Trung bình yếu
Từ 4,0 đến 4,9	D	1.0	
Dưới 4,0	F	0,0	Kém

2.2. Điểm trung bình chung để xếp hạng tốt nghiệp được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i * n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

11. Chứng chỉ tốt nghiệp, phân loại tốt nghiệp

11.1. Chứng chỉ tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo.

11.2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào ĐTBCTL của các học phần quy định cho ngành đào tạo và phân loại như sau:

- Loại Xuất sắc : ĐTBCTL từ 3,60 đến 4,00
- Loại Giỏi : ĐTBCTL từ 3,20 đến 3,59
- Loại Khá : ĐTBCTL từ 2,50 đến 3,19
- Loại Trung bình : ĐTBCTL từ 2,00 đến 2,49.

12. Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

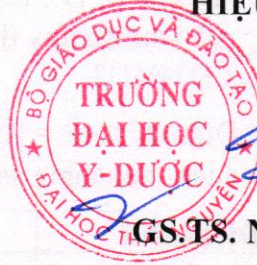
Học viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận hoàn thành khóa học:

- Được công nhận là học viên khóa Định hướng chuyên khoa Da liễu của Trường;
- Tích lũy đủ số học phần và số TC quy định trong chương trình đào tạo;
- ĐTBCTL của các học phần thuộc ngành đào tạo đạt từ 2,00 trở lên;
- Hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Căn cứ vào các điều kiện trên, Hội đồng xét công nhận hoàn thành khóa học cho học viên và cấp chứng chỉ **“Định hướng chuyên khoa Da liễu”**.

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Văn Sơn